ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC VÀ THÁI ĐỘ VỀ VỆ SINH RĂNG MIỆNG CỦA SINH VIÊN Y KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM 2024

Nguyễn Thị Sen[2], Lê Huyền Trang[1*], Nguyễn Phúc Ngọc Mai[1], Nguyễn Thị Thu Huyền[1] ,Vũ Thị Thu Oanh[1], Nguyễn Vân Thanh[1], Đồng Văn Hải[1], Phạm Ngọc Hải[2]

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá kiến thức và thái độ vệ sinh răng miệng của sinh viên lớp K50C và K50D trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 101 sinh viên lớp K50C và K50D Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Thời gian nghiên cứu từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt về vệ sinh răng miệng chiếm 7,9% trong tổng số sinh viên, có 36,6% sinh viên lựa chọn đúng bàn chải đánh răng, 54,4% sinh viên biết thay bàn chải 3 tháng/lần, có 98,0% sinh viên lựa chọn đúng thời điểm lấy cao răng/mảng bám định kỳ, thường trong khoảng 6 tháng đến 1 năm. Về thái độ, có 54,5% sinh viên có thái độ vệ sinh răng miệng tốt trong tổng số sinh viên nghiên cứu, sinh viên nữ đạt mức độ tốt chiếm tỷ lệ 62,5%.

Kết luận: Nhóm đối tượng nghiên cứu là sinh viên K50 đã được học qua học phần Răng Hàm Mặt, qua đó đã tiếp cận với các kiến thức cơ bản về chăm sóc răng miệng. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên đạt mức kiến thức tốt còn thấp, trong khi thái độ tốt mới đạt hơn một nửa số sinh viên nghiên cứu. Điều này gợi ý sự cần thiết của các hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe răng miệng phù hợp hơn cho sinh viên.

Từ khóa: Sinh viên y khoa, vệ sinh răng miệng, kiến thức, thái độ.

ASSESSMENT OF KNOWLEDGE AND ATTITUDES REGARDING ORAL HYGIENE AMONG MEDICAL STUDENTS AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2024

ABSTRACT

Objective: To assess oral hygiene knowledge and attitudes among K50C and K50D students at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in 2024.

Method: A descriptive cross-sectional study on 101 students of classes K50C and K50D at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy. The study was conducted from November 2024 to January 2025.

Results: Only 7.9% of the surveyed students demonstrated a good level of knowledge regarding oral hygiene. Among them, 36.6% selected the appropriate type of toothbrush, and 54.4% were aware of the recommended practice of replacing toothbrushes every three months. A substantial majority (98%) correctly identified the appropriate interval for routine dental check-ups and plaque removal, which is every 6 to 12 months. In terms of attitudes, 54.5% of students exhibited a positive attitude toward oral hygiene practices, with a notably higher proportion among female students (62.5%) achieving a good level of attitude.

Conclusion: The study population consisted of K50 medical students who had completed the Odonto-Stomatology course, through which they were introduced to basic knowledge of oral health care. The findings indicated that students' overall knowledge of oral hygiene remained limited, although their attitudes were relatively positive, and their attitudes toward personal oral hygiene remained limited, indicating an insufficient level of concern for oral health care

Keywords: medical students, oral hygiene, knowledge, attitude.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), vệ sinh răng miệng là việc duy trì sự sạch sẽ của răng miệng thông qua việc chăm sóc răng miệng đúng cách, bao gồm việc đánh răng thường xuyên, sử dụng chỉ nha khoa, kiểm tra sức khỏe răng miệng định kỳ, và hạn chế các yếu tố nguy cơ như ăn uống không lành mạnh hoặc hút thuốc. Mục tiêu chính của vệ sinh răng miệng là để ngăn ngừa các bệnh lý răng miệng như sâu răng, viêm nướu và bệnh nha chu, đồng thời duy trì sức khỏe toàn diện của khoang miệng. Các bệnh lý răng miệng ảnh hưởng đến khoảng 3,5 tỷ người trên toàn cầu, xuất hiện ở nhiều nhóm tuổi và gây ảnh hưởng đáng kể đến

2. Lớp K50C - Trường Đại học Y Dược Thái Bình
1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình
* Tác giả liên hệ: Lê Huyền Trang
Email: huyentrang19112k2@gmail.com
Ngày nhận bài: 20/5/2025
Ngày phản biện: 01/3/2026
Ngày duyệt bài: 30/3/2026

sinh hoạt, giao tiếp xã hội và chất lượng cuộc sống [1]. Việc chăm sóc sức khỏe răng miệng thường xuyên và đúng cách sẽ giúp chúng ta phòng ngừa được các bệnh răng miệng, góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, chi phí điều trị và những ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng cuộc sống [2]. Sinh viên đại học tại Việt Nam, đặc biệt là sinh viên các trường y dược, cần được ưu tiên trang bị kiến thức về phòng ngừa các bệnh răng miệng. Đây là bước tiền đề quan trọng, bởi khi được đào tạo đầy đủ, họ sẽ có khả năng tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân chủ động bảo vệ sức khỏe răng miệng một cách hiệu quả hơn trong tương lai, khi họ trở thành bác sĩ hoặc dược sĩ.

Hiện nay, một số nghiên cứu đã khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh răng miệng ở sinh viên đại học tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, tại Việt Nam, các nghiên cứu chuyên sâu về kiến thức và thái độ vệ sinh răng miệng ở sinh viên y khoa còn hạn chế. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm đánh giá kiến thức và thái độ vệ sinh răng miệng của sinh viên lớp K50C và K50D Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024, đồng thời phân tích sự khác biệt theo giới tính.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

- Sinh viên lớp K50C và K50D Khóa K50, Trường Đại học Y Dược Thái Bình bao gồm tổng cộng 101 sinh viên.

*** Tiêu chuẩn lựa chọn:**

- Hiện đang theo học lớp K50C và K50D khóa K50 Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- Sinh viên tự nguyện đồng ý tham gia vào nghiên cứu và trả lời phỏng vấn.

- Sinh viên có khả năng hiểu mục đích thực hiện nghiên cứu, hiểu rõ nội dung bộ câu hỏi và trả lời bộ câu hỏi.

*** Tiêu chuẩn loại trừ:**

- Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.1.2. Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 11/2024 đến tháng 01/2025.

2.1.3. Địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình thuộc phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, Thái Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả, cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu: Nghiên cứu khảo sát trên 2 lớp sinh viên Y khoa khóa K50 gồm 101 sinh viên. Cỡ mẫu được tính theo công thức như sau:

$$n_1 = Z^2 \frac{P^{(1-p)}}{e^2}$$

Trong đó: : cỡ mẫu cần cho nghiên cứu.

Z: hệ số tin cậy, với độ tin cậy 95% ta có Z=1,96.

P = 0,942 (94,2% sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ nhất và hai năm cuối Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có kiến thức đánh răng ít nhất 2 lần mỗi ngày) [3].

e: độ chính xác tuyệt đối (lấy e=0,05).

Từ công thức trên tính được cỡ mẫu = 84 sinh viên.

$$n_1 = Z^2 \frac{P^{(1-p)}}{e^2}$$

Trong đó: : cỡ mẫu cần cho nghiên cứu.

Z: hệ số tin cậy, với độ tin cậy 95% ta có Z=1,96.

p = 0,929 (92,9% sinh viên Răng Hàm Mặt năm ba Trường Đại học Y Hà Nội có thái độ tốt với việc chăm sóc sức khỏe răng miệng) [4].

e: độ chính xác tuyệt đối (lấy e=0,05).

Từ công thức trên tính được cỡ mẫu sinh viên.

Như vậy cỡ mẫu cuối cùng là 101 sinh viên.

- Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu toàn bộ. Trong thời gian tiến hành thu thập số liệu, những sinh viên đủ tiêu chuẩn lựa chọn sẽ tham gia vào nghiên cứu.

2.2.3. Công cụ thu thập số liệu

Bộ câu hỏi được thiết kế do nhóm nghiên cứu dựa trên cơ sở lý thuyết và nội dung của nghiên cứu của tác giả Hoàng Hồng Xiêm (2016) [5]. Gồm 51 câu hỏi chia làm 3 phần:

Phần 1: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (8 câu hỏi).

Phần 2: Đánh giá kiến thức về vệ sinh răng miệng (28 câu hỏi).

Phần 3: Đánh giá thái độ về vệ sinh răng miệng (15 câu hỏi).

2.2.4. Biến số trong nghiên cứu

- Biến số độc lập: giới tính, quốc tịch.

- Biến số phụ thuộc: biến về kiến thức vệ sinh răng miệng, biến về thái độ vệ sinh răng miệng.

2.2.5. Phương pháp thu thập số liệu

Phỏng vấn trực tiếp sinh viên học lớp K50C và K50D tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình bằng

bộ câu hỏi được thiết kế sẵn. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa vào mục tiêu nghiên cứu và được điều tra thử trước khi thu thập số liệu chính thức tại cộng đồng. Nghiên cứu viên phát phiếu cho từng sinh viên, hướng dẫn cách trả lời, giám sát quá trình tự điền phiếu và thu lại phiếu sau khi hoàn thành.

2.2.6. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức và thái độ VSRM

*** Đánh giá kiến thức:**

Dựa vào 28 câu hỏi về kiến thức gồm 19 câu hỏi một lựa chọn và 9 câu hỏi nhiều lựa chọn, mỗi đáp án lựa chọn đúng được 1 điểm, lựa chọn sai hoặc không lựa chọn được 0 điểm được đánh giá theo thang điểm Bloom. Tính tổng điểm của 28 câu, tổng điểm tối đa là 49 điểm, ngưỡng tốt (khi đạt 39,2 điểm, sau đó tiến hành đánh giá phân loại theo thang điểm sau.

Bảng 1. Đánh giá kiến thức của đối tượng

Nội dung	Số điểm tối đa	Số điểm đạt		
		Tốt (80%)	Trung bình (60%-80%)	Yếu, kém (60%)
Đánh giá kiến thức	49	39,2	29,4-39,2	29,4

* Đánh giá thái độ:

Dựa vào 15 câu hỏi về thái độ, mỗi câu hỏi được đánh giá theo thang điểm Likert (1- Hoàn toàn không cần thiết; 2- Không cần thiết; 3- Bình thường; 4- Cần thiết; 5- Rất cần thiết). Các câu trả lời của mỗi câu hỏi được cho điểm từ 1 đến 5 (Phụ lục 2). Tính tổng điểm của 15 câu hỏi, số điểm tối đa là 75 điểm, ngưỡng tốt (80%) khi đạt 60 điểm, sau đó đánh giá thái độ theo thang điểm sau:

Bảng 2. Đánh giá thái độ của đối tượng

Nội dung	Số điểm tối đa	Số điểm đạt	
		Tốt (80%)	Chưa tốt (<80%)
Đánh giá thái độ	75	60	15

2.2.7. Phương pháp xử lý số liệu

Dữ liệu được thu thập từ bảng hỏi và phỏng vấn được ghi lại trên giấy và sau đó được nhập bằng phần mềm REDcap. Số liệu sau khi thu thập được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 theo các thuật toán thống kê y học. Thống kê mô tả: Các biến định lượng được trình bày bằng trung bình và độ lệch chuẩn nếu có phân phối phù hợp; các biến định tính được trình bày bằng tần số và tỷ lệ phần trăm. Thống kê phân tích: Sử dụng kiểm định Chi-square (χ^2) để so sánh sự khác biệt giữa các nhóm. Khi tần số mong đợi < 5 thì sử dụng Fisher's exact test. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi p< 0,05.

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y Dược Thái Bình thông qua và chỉ tiến hành khi được sinh viên tham gia nghiên cứu tự nguyện chấp nhận.

Nghiên cứu được thực hiện theo đúng đề cương đã được phê duyệt, bảo đảm tính trung thực trong thu thập, nhập liệu, xử lý và báo cáo số liệu.

Số liệu thu thập từ ý kiến đóng góp của những người tham gia và tất cả thông tin được mã hoá và đảm bảo bí mật tuyệt đối, không phát tán thông tin người tham gia khảo sát ra bên ngoài.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Qua phân tích số liệu 101 sinh viên thuộc 2 lớp K50C và K50D tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, chúng tôi thu được kết quả sau:

Bảng 3. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=101)

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới	Nam	37	36,6
	Nữ	64	63,4
Quốc tịch	Việt Nam	90	89,1
	Lào	4	4,0
	Campuchia	7	6,9

Trong tổng số 101 sinh viên, nữ giới chiếm 63,4% và nam giới chiếm 36,6%. Phần lớn sinh viên có quốc tịch Việt Nam, chiếm 89,1%; sinh viên Lào và Campuchia chiếm 10,9%.

3.2. Đánh giá kiến thức về vệ sinh răng miệng.

Bảng 4. Kiến thức về vệ sinh răng miệng (n=101)

Nội dung	Kết quả trả lời đúng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiến thức về bàn chải kẽ răng		
Dụng cụ làm sạch kẽ răng	63	62,4
Thời điểm sử dụng chỉ nha khoa	88	87,1
Độ dài chỉ nha khoa	17	16,8
Phương pháp sử dụng chỉ nha khoa	76	75,2
Kiến thức về chải răng		
Loại bàn chải đánh răng	37	36,6
Thời gian thay bàn chải	55	54,4
Lựa chọn kem đánh răng	80	79,1
Thời điểm chải răng	61	60,4
Thời gian chải răng	79	78,2
Kiến thức về làm sạch lưỡi		
Dụng cụ làm sạch lưỡi	44	43,6
Thời điểm chải lưỡi	89	88,1
Phương pháp chải lưỡi	52	51,5
Kiến thức về nước súc miệng		
Loại nước súc miệng	48	47,5
Thời gian sử dụng	70	69,3
Kiến thức về khám răng định kỳ		
Thời điểm khám răng	84	83,1
Thời điểm lấy cao răng định kỳ	99	98,0

Tỷ lệ sinh viên biết về phương pháp sử dụng chỉ nha khoa đúng cách chiếm tỷ lệ 75,2%, và có 16,8% sinh viên nắm đúng kiến thức về độ dài chỉ nha khoa. Kiến thức về việc lựa chọn bàn chải đánh răng và loại nước súc miệng phù hợp chỉ đạt mức trung bình lần lượt là 36,6% và 47,5%. Kết quả bảng cho thấy sinh viên có kiến thức về khám răng định kỳ khá cao, có lần lượt 83,1% và 98,0% sinh viên chọn đúng thời điểm khám răng định kỳ và lấy cao răng, mảng bám là 6 tháng- 1 năm.

Bảng 5. Đánh giá kiến thức tổng thể theo giới tính và chung (n=101)

Đánh giá kiến thức	Nam		Nữ		Chung		p
	n	%	n	%	n	%	
Tốt	5	13,5	3	4,7	8	7,9	0,9
Trung bình	16	43,2	40	62,5	56	55,4	
Yếu, kém	16	43,2	21	32,8	37	36,6	

Tỷ lệ sinh viên có mức độ kiến thức tốt về vệ sinh răng miệng chỉ chiếm 7,9%. Tỷ lệ sinh viên nữ đạt mức độ trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 67,2% và tỷ lệ sinh viên nam đạt mức độ trung bình trở lên chiếm 56,7%.

3.3. Đánh giá thái độ về vệ sinh răng miệng

Bảng 6. Thái độ về vệ sinh răng miệng (n=101)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thái độ về việc vệ sinh răng miệng hằng ngày	94	93,0
Thái độ về việc làm sạch kẽ răng	96	95,0
Thái độ về việc đánh răng		
Đánh răng sau mỗi bữa ăn	93	92,1
Chọn bàn chải đánh răng	92	91,0
Bảo quản bàn chải đánh răng đúng cách	98	97,0
Thay bàn chải đánh răng 3 tháng/lần	99	98,0
Chọn kem đánh răng	101	100,0
Chải hết các mặt của răng	97	96,0
Đánh răng ít nhất 2 phút/lần sau ăn	94	93,0
Thái độ về việc sử dụng bàn chải lưỡi		
Sử dụng bàn chải lưỡi	99	98,0
Vệ sinh bàn chải cạo lưỡi	100	99,0
Thái độ về việc sử dụng nước súc miệng		
Súc miệng sau khi đánh răng	100	99,0
Sử dụng nước súc miệng chứa Chlorhexidine 0,12%	100	99,0
Thái độ về việc khám răng định kỳ và lấy cao răng, mảng bám		
Khám răng định kỳ và lấy cao răng, mảng bám	100	99,0

Kết quả cho thấy thái độ của sinh viên về vệ sinh răng miệng có xu hướng tích cực, tỷ lệ sinh viên có thái độ tốt trong nước súc miệng và khám răng định kỳ chiếm tỷ lệ cao nhất với tỷ lệ là 99,0%.

Bảng 5. Đánh giá thái độ tổng thể theo giới tính và chung (n=101)

Đánh giá thái độ	Nam		Nữ		Chung		p
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Tốt	15	40,5	40	62,5	55	54,5	0,04
Chưa tốt	22	59,5	24	37,5	46	45,5	

Tỷ lệ sinh viên có thái độ VSRM tốt chiếm 54,5%. Tỷ lệ sinh viên nữ có thái độ tốt là 62,5%, cao hơn so với sinh viên nam là 40,5%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với p<0,05.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi khảo sát trên 101 sinh viên, chủ yếu là người Việt Nam, trong đó tỷ lệ sinh viên nữ chiếm 63,4%, nhằm đánh giá kiến thức và thái độ của sinh viên về vệ sinh răng miệng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên có nhận thức khá tốt về các thói quen vệ sinh cơ bản như sử dụng chỉ nha khoa, chải răng và xác định thành phần kem đánh răng khá cao tuy nhiên kiến thức chuyên sâu về độ dài chỉ nha khoa, loại bàn chải đánh răng đúng vẫn còn nhiều hạn chế.

Một trong những điểm đáng chú ý trong kết quả nghiên cứu của chúng tôi là khả năng nhận thức tốt của sinh viên về sử dụng chỉ nha khoa với 87,1% sinh viên biết thời điểm dùng và 75,2% nắm đúng phương pháp sử dụng chỉ nha khoa. Những con số này cao hơn so với các nghiên cứu trước đây của Hoàng Hồng Xiêm (2016) [5], Lê Thanh Ngân và cộng sự (2024) [6] và Bùi Thị Thu Hiền và cộng sự (2019) [8]. Tuy nhiên, chỉ có 16,8% sinh viên biết chính xác độ dài chỉ nha khoa cần sử dụng mỗi lần, điều này cho thấy mặc dù nhận thức tổng thể về VSRM tốt, nhưng vẫn chưa đủ để đảm bảo kỹ thuật thực hành đúng.

Ngoài ra, chỉ có 36,6% sinh viên chọn đúng loại bàn chải đánh răng và 54,4% biết thay bàn chải 3 tháng/lần, kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Hoàng Hồng Xiêm (2016) [5] với tỷ lệ lần lượt là 42,3% và 61,7%. Tuy vậy, có 79,1% sinh viên xác định đúng thành phần kem đánh răng, 60,4% biết chải răng sau ăn, kết quả này cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của Lê Thanh Ngân và cộng sự (2024) và 78,2% sinh viên chọn đúng thời lượng chải răng, cao hơn so với nghiên cứu của Bùi Thị Thu Hiền và cộng sự (2019) với tỷ lệ là 63,7% [8]. Điều này có thể lý giải là việc tiếp cận thông tin về vệ sinh răng miệng ở các đối tượng nghiên cứu khác nhau cũng ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt mức độ trung bình có tỷ lệ cao nhất chiếm 55,4% gần giống với nghiên cứu của Lê Thanh Ngân và cộng sự (2024) [6] với tỷ lệ 54,5% và Hoàng Thị Đợi (2024) [7] với tỷ lệ là 53,6%, cho thấy mức độ hiểu biết của sinh viên về VSRM ở mức tương đối ổn định. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt trong nghiên cứu này là 7,9% tương tự với nghiên cứu của Lê Thanh Ngân và cộng sự (2024) [6] với 6,8% sinh viên có kiến thức tốt, nhưng lại thấp hơn so với nghiên cứu của Hoàng Thị Đợi (2024) [7] với tỷ lệ 28,2%. Sự chênh lệch này có thể phản ánh sự khác biệt trong mức độ hiểu biết chi tiết về các phương pháp vệ sinh răng miệng giữa các nhóm sinh viên.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự khác biệt về kiến thức giữa sinh viên nữ và sinh viên nam. Cụ thể, sinh viên nữ có tỷ lệ kiến thức VSRM từ trung bình đến tốt đạt 67,2%, cao hơn so với tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức về VSRM từ trung bình đến tốt là 56,7%. Cùng với đó, tỷ lệ sinh viên nữ có thái độ tốt là 62,5% cũng cao hơn nhiều so với sinh viên nam có thái độ tốt là 40,5%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$, điều này thể hiện giới tính có thể là một yếu tố liên quan đến thái độ vệ sinh răng miệng trong nhóm sinh viên được khảo sát. Điều này có thể giải thích một phần bởi yếu tố tâm lý và xã hội, khi sinh viên nữ thường chú trọng hơn đến sức khỏe cá nhân và ngoại hình, đặc biệt là chăm sóc răng miệng để duy trì thẩm mỹ. Kết quả này tương tự như nghiên cứu của Hoàng Hồng Xiêm (2016) [5] với 65,2% sinh viên có thái độ đúng về vệ sinh răng miệng, nhưng khác với nghiên cứu của Hoàng Thị Đợi (2024) [7], khi tỷ lệ sinh viên có thái độ tốt cao hơn nhiều (88,9% đối với sinh viên năm 3 và 65,8% đối với sinh viên năm 1) và cao hơn nghiên cứu của Bùi Thị Thu Hiền và cộng sự (2019) [8] với 39,7% với tỷ lệ thái độ tích cực về vệ sinh răng miệng.

Nhìn chung, nghiên cứu ghi nhận rằng sinh viên có hiểu biết tốt ở một số nội dung cơ bản về vệ sinh răng miệng, nhưng tỷ lệ đạt kiến thức tốt tổng thể còn thấp. Cùng với đó, nghiên cứu đã làm rõ mặc dù sinh viên có thái độ tốt nhưng tỷ lệ sinh viên đạt kiến thức tốt còn chưa cao cho thấy việc tiếp cận về kiến thức đúng của sinh viên còn hạn chế.

Nghiên cứu có một số hạn chế. Thứ nhất, cỡ mẫu tương đối nhỏ và chỉ bao gồm sinh viên lớp K50C và K50D tại một trường đại học, do đó khả năng khái quát hóa kết quả còn hạn chế. Thứ hai, tỷ lệ nữ giới chiếm đa số có thể ảnh hưởng đến phân bố kết quả về kiến thức và thái độ. Thứ ba, dữ liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự trả lời dưới sự hướng dẫn của nghiên cứu viên, nên có thể chịu ảnh hưởng của sai số nhớ lại và xu hướng trả lời theo chuẩn mực xã hội. Ngoài ra, nghiên cứu chưa đánh giá thực hành vệ sinh răng miệng thực tế, do đó chưa phản ánh đầy đủ mối liên hệ giữa kiến thức, thái độ và hành vi chăm sóc răng miệng của sinh viên y khoa.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 101 sinh viên lớp K50C và K50D Trường Đại học Y Dược Thái Bình cho thấy tỷ lệ sinh viên đạt kiến thức tốt về vệ sinh răng miệng còn thấp, mặc dù một số nội dung cơ bản như thời điểm sử dụng chỉ nha khoa, thời điểm khám răng định kỳ và lấy cao răng được trả lời đúng với tỷ lệ cao. Tỷ lệ sinh viên có thái độ tốt về vệ sinh răng miệng đạt 54,5%, trong đó sinh viên nữ có thái độ tốt cao hơn sinh viên nam. Kết quả này gợi ý cần tăng cường các hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe răng miệng cho sinh viên, đặc biệt tập trung vào các nội dung còn hạn chế như lựa chọn bàn chải, sử dụng chỉ nha khoa đúng kỹ thuật, vệ sinh lưỡi và sử dụng nước súc miệng hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization.** Oral health [Internet]. Geneva: WHO;2024 [Cited 2024 sep 5]. Available from: https://www.who.int/health-topics/oral-health

2. **Peres MA, Macpherson LMD, Weyant RJ, Daly B, Venturelli R, Mathur MR (2019).** Oral diseases: a global public health challenge. Lancet. 2019;394(10194):249–260

3. Trần Hoàng Uyên Anh, Nguyễn Long Nguyên và cs (2022). "Kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ nhất và hai năm cuối tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022". Tạp chí Y Dược Cần Thơ. 2023;63(63):22–29.

4. Đỗ Hoàng Việt, Lê Long Nghĩa và cs (2022). "Kiến thức, thái độ, thực hành và tình trạng lợi của sinh viên Răng hàm mặt trường Đại học Y Hà Nội". Tạp Chí Nghiên cứu Y học. 2022;151(3):209-219.

5. Hoàng Hồng Xiêm (2016). "Kiến thức, thái độ, thực hành và tình trạng vệ sinh răng miệng của sinh viên năm thứ nhất Đại học Y Hà Nội sống trong ký túc xá năm 2016", Khóa luận tốt nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt, Đại học Y Hà Nội.

6. Lê Thanh Ngân (2024). "Khảo sát kiến thức việc sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng và các yếu tố liên quan của sinh viên Răng Hàm Mặt Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022–2023". Tạp chí Y Dược Cần Thơ. 2024;70:82–89.

7. Hoàng Thị Đợi (2024). "Thực trạng bệnh sâu răng, viêm lợi, kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh răng miệng ở sinh viên điều dưỡng năm thứ nhất và thứ ba Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội". Tạp chí Y học Thực hành. 2024;10(479):56–63.

8. Bùi Thị Thu Hiền, Lê Long Nghĩa, Đinh Xuân Thành, Trần Văn Tiến (2020). "Kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc răng miệng của học sinh tại Trường Trung học cơ sở Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Ninh Bình năm 2019". Tạp chí Y Dược Lâm sàng 108. 2020;15(7):114-122.